

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRỰC NINH  
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 30/2024/ HNGĐ-ST

Ngày 17 - 04 - 2024

V/v ly hôn giữa ông T và  
bà T1

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH TỈNH NAM ĐỊNH**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Kim Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

**Ông Phạm Hồng Thái**

**Ông Vũ Văn Phong**

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Ngát – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định.

Ngày 17 tháng 04 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2024/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 04 năm 2024, về việc ly hôn, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Thôn T4, xã T5, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Bà Vũ Thị T1, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Thôn T4, xã T5, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Ông T, bà T1 vắng mặt (đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Ông và bà T1 có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T5, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định vào ngày 13 tháng 11 năm 1995. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Từ tháng 4/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà T1 bỏ nhà đi để ông một mình nuôi con. Bà T1 đi một thời gian rồi lại về nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được, luôn xảy ra bất đồng quan điểm, bà T1 nghi ngờ ông có quan hệ ngoại tình rồi ghen tuông vô cớ, đã nhiều lần

sinh sự, ném dao vào ông nhưng không trúng, ông đã tha thứ cho bà T1 nhiều lần nhưng bà không thay đổi. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2024 cho đến nay. Nay ông nhận thấy tình cảm giữa ông với bà T1 không còn, không thể chung sống cùng nhau được nữa. Ông có lời khai đề nghị Toà án giải quyết ly hôn giữa ông và bà T1.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị H, sinh năm 1997, Nguyễn Văn X, sinh năm 1999 và Nguyễn Thị V, sinh năm 2004. Hiện các con chung đều đã trưởng thành, có khả năng lao động được (cháu H và cháu V đã xây dựng gia đình, cháu X đã đi làm). Ông không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ: Vợ chồng tự giải quyết, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai, bị đơn là bà Vũ Thị T1 trình bày:* Thời gian kết hôn đúng như ông T khai. Về tình cảm bà xác định vợ chồng đã mâu thuẫn từ năm 2017, do bà có nghi ngờ ông T có quan hệ ngoại tình nên bà đã nhiều lần sinh sự với ông T và đã nhiều lần ông T tha thứ cho bà. Đến tháng 02/2024 lại xảy ra mâu thuẫn, vì bà đã nói láo và thách thức ông T nên ông T đã đánh bà. Nay ông T xin ly hôn, bản thân bà là người công giáo nên bà không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Đúng như ông T khai, các con chung đều đã trưởng thành, tự lập nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng và công nợ: Vợ chồng tự giải quyết bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị T1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy việc Tòa án xét xử vắng mặt ông T và bà T1 là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị T1 kết hôn với nhau vào tháng 11 năm 1995, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Từ khoảng năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Do bà T1 nghi ngờ ông T có quan hệ ngoại tình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra bất hoà, cãi chửi nhau. Bà T1 khai; Do bà nghi ngờ ông T có quan hệ ngoại tình nên bà đã nhiều lần sinh sự với ông T và ông T đã tha thứ cho bà. Tháng 02/2024 vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn, vì bà đã nói láo và thách thức ông T nên ông T đã đánh bà, bà là người công giáo nên bà không đồng ý ly hôn. Ông T có lời khai xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Vũ Thị T1.

Xét thực tế quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị T1 đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn T là phù hợp.

[3] Về con chung: HĐXX xét thấy; Tại phiên tòa ông T, bà T1 vắng mặt nhưng đều có lời khai trình bày về con chung, hiện các con của ông bà đã đến tuổi đã trưởng thành và lao động tự lập được. Ông T, bà T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Ông T, bà T1 tự giải quyết và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

Tài sản riêng: Ông T, bà T1 thống nhất; bà T1 có 09 sào ruộng đang trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bố, mẹ ông T. Hiện ông T đang quản lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bố mẹ ông T đều đã chết). Ông T, bà T1 tự giải quyết và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị T1.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị T1 có 03 con chung là: Nguyễn Thị H, sinh năm 1997; Nguyễn Văn X, sinh năm 1999 và Nguyễn Thị V, sinh năm 2004. Hiện các con đã đến tuổi trưởng thành và lao động tự lập được.

3. Án phí: Ông Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng. Đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003945 ngày 21/02/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Ông T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND xã T5, huyện Trục Ninh;
- Lưu HS, VP.

*(đã ký và đóng dấu)*

**Nguyễn Thị Kim Thu**